

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V.

TT	Nội dung yêu cầu	Đạt	Không đạt
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ	<ul style="list-style-type: none">- Có lập bảng kê thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu: Hàng hóa có đặc tính, cấu hình, thông số kỹ thuật phù hợp, đáp ứng tương đương hoặc cao hơn yêu cầu của E-HSMT (theo chi tiết từng loại hàng hóa tại Chương V);- Thiết bị chào thầu phải nêu rõ: Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm (theo quy định của nhà sản xuất (nếu có)); Tên nhà sản xuất, xuất xứ rõ ràng; Sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100%;- Nhà thầu phải lập bảng kê để so sánh các thông số kỹ thuật của thiết bị dự thầu với thiết bị mời thầu, trong đó ghi rõ đặc tính thông số kỹ thuật (chi tiết rõ ràng, cố định). Nhà thầu có thể đề xuất đặc tính. Thông số kỹ thuật thiết bị khác với E-HSMT nhưng nhà thầu phải thuyết minh và chứng minh cho Tư vấn đầu thầu thấy rằng những đề xuất đó vẫn đảm bảo sự “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu.- Nhà thầu cung cấp bản gốc hoặc bản sao Catalogue hoặc tài liệu xác nhận thông số kỹ thuật của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối chính thức tại Việt Nam (Không yêu cầu với vật tư, phụ kiện, nhân công lắp đặt).- Thiết bị phải được chứng nhận Hợp chuẩn, hợp quy và công bố	<ul style="list-style-type: none">- Không lập bảng kê thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu: Hàng hóa có đặc tính, cấu hình, thông số kỹ thuật phù hợp, đáp ứng tương đương hoặc cao hơn yêu cầu của E-HSMT (theo chi tiết từng loại hàng hóa tại Chương V) hoặc:- Thiết bị chào thầu không nêu đầy đủ: Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm (theo quy định của nhà sản xuất (nếu có)); Tên nhà sản xuất, xuất xứ không rõ ràng; Sản xuất trước năm 2025, không phải là hàng mới 100% hoặc:- Nhà thầu không lập bảng kê để so sánh các thông số kỹ thuật của thiết bị dự thầu với thiết bị mời thầu, trong đó ghi rõ đặc tính thông số kỹ thuật (chi tiết rõ ràng, cố định). Nhà thầu có thể đề xuất đặc tính. Thông số kỹ thuật thiết bị khác với E-HSMT nhưng nhà thầu phải thuyết minh và chứng minh cho Tư vấn đầu thầu thấy rằng những đề xuất đó vẫn đảm bảo sự “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu hoặc:- Nhà thầu không cung cấp đầy đủ bản gốc hoặc bản sao Catalogue hoặc tài liệu xác nhận thông số kỹ thuật của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối chính thức tại Việt Nam (Không yêu cầu với vật tư, phụ kiện, nhân công lắp đặt) hoặc:- Thiết bị không được chứng nhận

TT	Nội dung yêu cầu	Đạt	Không đạt
		<p>Hợp chuẩn, hợp quy theo Thông tư 02/2024/TT- BTTTT ngày 29/3/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn QCVN 54:2020/BTTTT, QCVN 65:2021/BTTTT, QCVN 117:2023/BTTTT; Bản công bố hợp quy QCVN 86:2019/BTTTT, QCVN 112:2017/BTTTT</p> <p>- Đáp ứng kết nối thiết bị đầu cuối cụm thu phát thanh ứng dụng CNTT-VT với Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh theo văn bản số 2455/BTTTT-TTCS ngày 27/6/2023 (Phiên bản 2.0) của Bộ Thông tin và Truyền thông do Trung tâm Công nghệ số quốc gia thuộc Cục chuyển đổi số quốc gia cấp.</p> <p>- Các tính năng phần mềm yêu cầu phải đảm bảo đáp ứng theo các quy định tại Phụ lục số 2, 3, 4, 5 Thông tư 39/2020/TT- BTTTT ngày 24/11/2020 của bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.</p> <p>- Có Giấy chứng nhận Phần mềm hệ thống truyền thanh thông minh đáp ứng các yêu cầu an toàn ứng dụng, an toàn dữ liệu đối với các tiêu chí an toàn thông tin theo cấp độ 3 theo thông tư 12/2022/TT-BTTTT và tiêu chuẩn đánh giá an toàn thông tin TOP10 OWASP</p> <p>- Có chứng nhận bản quyền của nhà sản xuất về phần mềm để tránh tranh chấp về Sở hữu trí tuệ.</p> <p>- Có cam kết hệ thống có khả năng kết nối, nhận bản tin từ Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh và chia sẻ dữ liệu về hoạt động thông tin cơ sở ngược lại, bảo đảm mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu xuyên suốt từ trung ương – tỉnh – huyện – xã.</p>	<p>Hợp chuẩn, hợp quy và công bố Hợp chuẩn, hợp quy theo Thông tư 02/2024/TT- BTTTT ngày 29/3/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn QCVN 54:2020/BTTTT, QCVN 65:2021/BTTTT, QCVN 117:2023/BTTTT; Bản công bố hợp quy QCVN 86:2019/BTTTT, QCVN 112:2017/BTTTT hoặc:</p> <p>- Không đáp ứng kết nối thiết bị đầu cuối cụm thu phát thanh ứng dụng CNTT-VT với Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh theo văn bản số 2455/BTTTT- TTCS ngày 27/6/2023 (Phiên bản 2.0) của Bộ Thông tin và Truyền thông do Trung tâm Công nghệ số quốc gia thuộc Cục chuyển đổi số quốc gia cấp hoặc:</p> <p>- Các tính năng phần mềm yêu cầu không đảm bảo đáp ứng theo các quy định tại Phụ lục số 2, 3, 4, 5 Thông tư 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc:</p> <p>- Không có Giấy chứng nhận Phần mềm hệ thống truyền thanh thông minh đáp ứng các yêu cầu an toàn ứng dụng, an toàn dữ liệu đối với các tiêu chí an toàn thông tin theo cấp độ 3 theo thông tư 12/2022/TT-BTTTT và tiêu chuẩn đánh giá an toàn thông tin TOP10 OWASP hoặc:</p> <p>- Không có chứng nhận bản quyền của nhà sản xuất về phần mềm để tránh tranh chấp về Sở hữu trí tuệ hoặc:</p> <p>- Không Có cam kết hệ thống có khả năng kết nối, nhận bản tin từ Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh và chia sẻ dữ liệu về hoạt động thông tin cơ sở ngược lại, bảo đảm mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu xuyên suốt từ trung ương – tỉnh – huyện – xã.</p>

TT	Nội dung yêu cầu	Đạt	Không đạt
2	Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hoá: thời gian hàng hoá đã được sử dụng trên thị trường, đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO. Đối với nhà sản xuất	Có tiêu chuẩn chất lượng của hàng hoá: thời gian hàng hoá đã được sử dụng trên thị trường, đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO. Đối với nhà sản xuất	Không có tiêu chuẩn chất lượng của hàng hoá: thời gian hàng hoá đã được sử dụng trên thị trường, đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO. Đối với nhà sản xuất
3	Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa	<p>Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh phương án vận chuyển, phương tiện vận chuyển đến đơn vị sử dụng. - Có phương án bố trí nhân sự hợp lý, vị trí đảm nhận công việc. - Biện pháp bảo quản để đảm bảo về chất lượng của thiết bị trong quá trình vận chuyển, lắp đặt. - Phương án tập kết thiết bị và lưu kho tại đơn vị sử dụng, chuẩn bị cho công tác thi công lắp đặt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có thuyết minh phương án vận chuyển, phương tiện vận chuyển đến đơn vị sử dụng hoặc: - Không có phương án bố trí nhân sự hợp lý, vị trí đảm nhận công việc hoặc: - Không có biện pháp bảo quản để đảm bảo về chất lượng của thiết bị trong quá trình vận chuyển, lắp đặt hoặc: - Không có phương án tập kết thiết bị và lưu kho tại đơn vị sử dụng, chuẩn bị cho công tác thi công lắp đặt.
4	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì; năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế; khả năng lắp đặt thiết bị, hàng hoá	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bảo hành đối với toàn bộ hàng hóa ≥ 12 tháng và không ngắn hơn thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất, kể từ ngày bàn giao vận hành khai thác. - Trường hợp nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì: Nêu rõ địa chỉ, số điện thoại và phương án triển khai bảo hành, bảo trì. - Trong thời gian bảo hành: Thời gian khắc phục sự cố trong vòng không quá 24h kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư. - Trường hợp nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì: Nêu rõ địa chỉ, số điện thoại và phương án triển khai bảo hành, bảo trì; Tài liệu xác định đơn vị đã ký hợp đồng nguyên tắc hoạt động kinh doanh phù hợp nội dung gói thầu. - Có cam kết về vật tư, thiết bị, 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bảo hành đối với toàn bộ hàng hóa < 12 tháng hoặc ngắn hơn thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất, kể từ ngày bàn giao vận hành khai thác. - Trường hợp nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì: Không nêu rõ địa chỉ, số điện thoại và phương án triển khai bảo hành, bảo trì hoặc: - Trong thời gian bảo hành: Thời gian khắc phục sự cố trong vòng quá 24h kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư - Trường hợp nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì: Không nêu rõ địa chỉ, số điện thoại và phương án triển khai bảo hành, bảo trì; Không có tài liệu xác định đơn vị đã ký hợp đồng nguyên tắc hoạt động kinh doanh phù hợp nội dung gói thầu hoặc:

TT	Nội dung yêu cầu	Đạt	Không đạt
		phụ tùng thay thế và sửa chữa trong qua trình bảo hành.	- Không có cam kết về vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế và sửa chữa trong qua trình bảo hành.
5	Khả năng thích ứng về địa lý, môi trường	-Hàng hóa thích ứng về địa lý, môi trường: Khu vực Miền Trung Việt Nam	-Hàng hóa không thích ứng về địa lý, môi trường: Khu vực Miền Trung Việt Nam
6	Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết	Hàng hóa không gây ô nhiễm môi trường không khí, nước	Hàng hóa gây ô nhiễm môi trường không khí, nước nhưng không có biện pháp giải quyết
7	Tiêu chí đầu thầu bền vững (nếu có)	Không áp dụng	
8	Các yếu tố về điều kiện thương mại, đào tạo, chuyển giao công nghệ	Hướng dẫn sử dụng sau ngày bàn giao hàng hoá đưa vào sử dụng tối đa 02 ngày	Hướng dẫn sử dụng sau ngày bàn giao hàng hoá đưa vào sử dụng > 02 ngày
9	Tiến độ cung cấp hàng hóa	- Có bảng tiến độ chi tiết (thuyết minh chi tiết, cụ thể): Thời gian cung ứng hoặc sản xuất hàng hóa và tập kết đến đơn vị sử dụng; Thời gian thi công, lắp đặt thiết bị tại đơn vị sử dụng; Thời gian nghiệm thu, bàn giao. Tổng tiến độ hoàn thành gói thầu: <= 20 ngày	- Không có bảng tiến độ chi tiết (thuyết minh chi tiết, cụ thể): Thời gian cung ứng hoặc sản xuất hàng hóa và tập kết đến đơn vị sử dụng; Thời gian thi công, lắp đặt thiết bị tại đơn vị sử dụng; Thời gian nghiệm thu, bàn giao hoặc: Tổng tiến độ hoàn thành gói thầu: > 20 ngày
10	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng) và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó. Không yêu cầu mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí này	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.
11	Các yếu tố cần thiết khác	- Cam kết cung cấp chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ) đối với hàng hóa nhập khẩu.	- Không có Cam kết cung cấp chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ) đối với hàng hóa nhập khẩu.
	KẾT LUẬN	Đáp ứng tất cả các tiêu chí được đánh giá là đạt	Không đáp ứng 01 tiêu chí đánh giá là không đạt